

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 09/08/2021

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 76

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

“Tạo thành thiện nguyện, hết lòng tìm tòi nỗ lực”

Mỗi một người học Phật, khi còn ở nhân địa đều có phát nguyện, phát nguyện đó là thật, khi duyên chín muồi thì nguyện đó nhất định thành hiện thực; duyên chưa chín muồi thì đừng miến cưỡng, miến cưỡng thì sẽ có chướng ngại. Phát nguyện gì vậy? Phát nguyện độ chúng sanh. “Tạo thành thiện nguyện” chính là giúp đỡ Phật tiếp dẫn chúng sanh, giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh. Giống như bài ca Tịnh Thế mà chúng tôi tự sáng tác và tự hát có đoạn rằng: “Là trợ thủ tốt của A-di-đà Phật, giúp Phật tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh”. Làm thế nào giúp đỡ chúng sanh? Phổ biến rộng rãi pháp môn Tịnh độ niệm Phật, mọi lúc mọi nơi đều giới thiệu, nêu lên cho tất cả chúng sanh. Đây chính là “tạo thành thiện nguyện”.

“Hết lòng tìm tòi nỗ lực” là việc chúng ta phải tận tâm tận lực mà làm, tận tâm tận lực thì viên mãn, đừng miến cưỡng đi làm những việc không đủ sức. Tận tâm tận lực chính là phương tiện thiện xảo. Một số người miến cưỡng đi làm những việc mà sức mình chẳng đủ cho nên sanh phiền não, cách làm như vậy là sai lầm. Ví dụ như nói đến việc hóa duyên, quyên góp. Phạm là việc hóa duyên, quyên góp thì đều là những việc làm rất miến cưỡng, không như pháp. Tuy là việc tốt nhưng trong tâm rất phiền, trong tâm có dính mắc, có lo âu, đạo tâm bị thoái thất rồi, cái được không bù nổi cái mất.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn nói: “Cho dù cúng dường hằng sa thánh, không bằng kiên cố cầu chánh giác”, lời này nói rất hay, rất rõ ràng. Việc dù tốt đến đâu cũng không được dùng cách thức không chính đáng mà làm. Thói tệ liên quan đến hóa duyên và quyên góp rất nhiều, khiến người ta có rất nhiều cơ hội tạo nghiệp, di chứng để lại rất lớn. Vì vậy, người thật sự có đạo hạnh thì không nhân

tâm nhìn chúng sanh tạo tội nghiệp, không hẳn tâm nhìn chúng sanh nhân đây mà đọa lạc. Quyên góp, hóa duyên đều không phải là phương pháp tốt. Tuy trong kinh Phật cũng nói rằng: Sức của một người có khi chẳng đủ, nhờ mọi người đến trợ duyên bèn thành tựu. Phải biết rằng đó là mọi người tự động phát tâm, hoan hỷ đến trợ duyên, chẳng phải là đi quyên góp. Nếu như là miễn cưỡng, hoặc là kêu gọi đóng góp, thì tâm của người khác sẽ có gánh nặng. Cho dù bản thân người đó vui lòng nhưng người nhà của họ chưa chắc vui lòng, sẽ khiến cho người nhà của họ phản cảm, thậm chí là tranh chấp, khiến cho chúng sanh hủy báng Phật pháp, tạo tác tội nghiệp, đồng thời cũng phá hoại hình tượng của Phật giáo.

Năm xưa đại sư Chương Gia dạy lão pháp sư, cho dù là việc thiện cũng đừng cầu nơi người, cầu người, nếu người không đồng ý thì sanh phiền não. Ngài nói bạn cầu Phật Bồ-tát. Cầu Phật Bồ-tát nếu không có cảm ứng là do có nghiệp chướng. Nghiệp chướng tiêu trừ rồi, đợi khi cơ duyên chín muồi thì nhất định cảm ứng đạo giao. Đây là lời giáo huấn chân thật của một vị minh sư đối với học sinh.

Ở đây có một vấn đề cần phải nói rõ một chút, tiết học trước tôi giảng “điềm đạm, an tĩnh, vô dục”, tiết học này tôi giảng “hết lòng tìm tòi nỗ lực”, hai cách nói này liệu có mâu thuẫn nhau không? Chúng ta xem Hoàng Niệm lão giải thích ra sao.

“Tạo thành thiện nguyện, hết lòng tìm tòi nỗ lực”, có thiện nguyện rồi thì hết lòng tìm tòi nỗ lực thực hiện thiện nguyện đó. Giống như tỳ-kheo Pháp Tạng dành thời gian năm kiếp để thực hiện nguyện của ngài. Trước đó năm kiếp là kết thành đại nguyện, sự tu trì sau đó là tinh tấn tìm tòi nỗ lực, thoát nhìn thì dường như là mâu thuẫn. Việc này giống với phẩm Đức Tuân Phổ Hiền: Những đại Bồ-tát này đều nhập pháp môn *không, vô tướng, vô nguyện*, nhưng đồng thời đều tuân tu đức của Đại sĩ Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện. Mọi người chú ý “nhập pháp môn không, vô tướng, vô nguyện”, sau đó lại có “đầy đủ vô lượng hạnh nguyện”. Phải khéo phát hiện những mâu thuẫn này, phát hiện ra mâu thuẫn rồi sau đó giải quyết mâu thuẫn, bèn thâm nhập nghĩa lý. Có khi chẳng thể phát hiện ra được, có khi phát hiện rồi nhưng không thể giải quyết, đây chính là quá trình dụng công của chúng ta. Quá trình này chính là lý và sự đều vô ngại. “Không, vô tướng, vô nguyện” là lý, “vô lượng hạnh nguyện” là sự. Suốt ngày độ sanh là sự, suốt ngày chẳng độ ai là lý, đây đều là lý sự vô ngại. Nghiêng về sự độ thì là tiêu Bồ-tát, A-la-hán thì nặng về bên “không”.

Phía trên là lời giải thích về mặt lý của Hoàng Niệm lão cho “điềm đạm, an tĩnh, vô dục” và “hết lòng tìm tòi nỗ lực”, lý của nó sâu xa khó hiểu. Chúng ta không cần đào bới nghĩa lý, đừng chấp vào tướng. Khế nhập được cảnh giới đó rồi thì tự nhiên hiểu ra. Làm thế nào khế nhập cảnh giới? Thật thà niệm A-di-đà Phật, trí tuệ vừa khai mở thì hiểu được tất cả. Nếu chưa khế nhập cảnh giới đó, cho dù người khác nói thế nào bạn cũng nghe không hiểu. Vì sao vậy? Bởi vì bạn không đích thân cảm nhận.

“Thương xót từ mãn”

“Thương xót” là tâm đại bi, tâm thương xót tất cả chúng sanh khổ nạn. “Từ mãn” là đại từ, câu này chính là đại từ đại bi, từ bi có thêm chữ “đại” thì chính là tâm đại từ bi thanh tịnh bình đẳng. Nếu tâm không thanh tịnh, có phân biệt tốt xấu, người mình thích thì mình từ bi, người mình ghét thì mình không từ bi, như vậy trong cửa Phật gọi là “ái duyên từ bi”, không thể xưng là “đại từ đại bi”. Tâm đại từ bi trên thực tế thì Pháp thân Đại sĩ mới có thể xưng được. Tâm của Đại sĩ thật sự thanh tịnh, bình đẳng, không có phân biệt, không có chấp trước, không có phân biệt tốt-xấu, đây là điều chúng ta nên học tập.

“Đều hợp lẽ nghĩa”

Nguyện vọng đã phát tự nhiên khế lý khế cơ, hợp với lẽ, hợp với nghĩa.

“Sự tương lý thể viên dung, quá độ giải thoát”

“Bao” là bao hàm, “la” là nhiếp thủ, “biểu” là sự tướng, “lý” là lý thể. Những Đại sĩ này đều viên mãn về sự và lý, đồng thấu rõ chân đế lần tục đế, trọn thấu các sự nhiệm mầu, nhiếp khắp muôn loại, thượng trí hạ ngu đều được độ thoát, thể gian, xuất thể gian đều dung thông vô ngại. “Quá độ” là biểu thị chính mình thoát sanh tử, cũng khiến chúng sanh khác thoát sanh tử, chẳng phải giải thích thành mức độ quá đáng của sự việc, mà là chính mình và tất cả chúng sanh đều có thể đạt được giải thoát, cho nên gọi là “quá độ giải thoát”.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Tự nhiên bảo thủ, chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Nhất đán khai đạt minh triệt, tự nhiên trung tự nhiên tướng, tự nhiên chi hữu căn bản, tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng. Uất-đơn

thành thất bảo, hoành lâm thành vạn vật, quang tinh minh câu xuất, thiện hảo thù vô tử, trứ ư vô thượng hạ, đồng đạt vô biên tế.

Tự nhiên gìn giữ, chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản, tự nhiên quang minh sắc tướng xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, chuyển biến tối thắng. Uất-đơn thành thất bảo, tự nhiên từ hư không hiện ra vạn vật, quang minh tinh diệu sáng sạch cùng xuất hiện, tốt lành thật không gì sánh được, sáng tỏ không phân biệt trên dưới, hiểu rõ thông đạt không có bờ mé.

Đoạn kinh văn này, nói một cách tương đối thì nghĩa lý khá sâu xa, rất nhiều người đọc đoạn kinh văn này đọc không hiểu, nhưng phần giải thích đoạn kinh văn này của lão pháp sư thì khá là dễ hiểu.

Chín câu kinh văn phía trước, từ “tự nhiên gìn giữ” cho đến “chuyển biến tối thắng” đều nói về tự nhiên. Vì sao vậy? Vì là thứ sẵn có, không phải đến từ bên ngoài, cũng chẳng phải do bạn tu được, thứ tu được thì không tự nhiên, ý nghĩa này rất sâu. Vì vậy, đừng tu mù luyện quáng. Vậy thì tu như thế nào? Đào thải phiền não tập khí thì thành công rồi. Bởi vì hết thấy vốn là sẵn có, nhưng hiện nay bên ngoài bị bụi che phủ nên bạn đã mê mất phương hướng, bạn đem nó rửa sạch sẽ thì nó sẽ hiện tiền, nó vốn dĩ chính là như vậy, chẳng phải là thứ mà bạn đạt được. Hiện nay chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, đọc chú giải của Hoàng Niệm lão có cảm nhận được như vậy không? Mỗi chữ mỗi câu chú giải của mỗi một phẩm kinh văn đều là vật báu, đều đang phóng quang hiện tướng lành. Vô lượng vô biên trí tuệ, đức năng đều đang nhảy múa trước mắt chúng ta, chúng ta ngồi đây thương thức, đây là diệu dụng của tự tánh.

“Tự nhiên gìn giữ”, “tướng tự nhiên của tự nhiên”, “tự nhiên tự có căn bản”, “tự nhiên quang minh sắc tướng xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, chuyển biến tối thắng”

Tối thắng là gì? Không gì sánh được, chẳng thể sánh. Đoạn kinh văn này nồng đượm ý vị của Thiền tông. “Tự nhiên gìn giữ”, Thiền tông gọi là “bảo nhậm”, hai từ “bảo nhậm” này được dùng nhiều nhất trong Thiền tông, tổ sư đại đức dùng khá nhiều. “Nhậm” nghĩa là tùy ý, tùy ý chính là tự nhiên. Muốn đi thì đi, muốn ngồi thì ngồi, muốn như thế nào thì như thế ấy, thích như thế nào thì như thế ấy, đây là tự

tại. “Bảo” là niệm niệm không sai khác, đó chính là “bảo”. Chúng ta niệm Phật, mỗi một câu Phật hiệu tiếp nối nhau, đây chính là “bảo”. “Bảo” chính là dụng, đây chính là công phu. Bạn thật sự có thể giữ vững được, niệm niệm không sai khác, không cho vọng tưởng tạp niệm xen vào, đây gọi là “bảo”. Giữ vững điều gì? Giữ vững một câu Phật hiệu này, vĩnh viễn là một câu Phật hiệu này, không được có tạp niệm xen vào, không được có vọng tưởng xen vào, đây gọi là công phu niệm Phật đặc lực. Ngày nay thứ mà chúng ta phải giữ vững, chính là một câu Phật hiệu A-di-đà Phật này.

“Chân chân khiết bạch”

“Chân” chính là nhất chân pháp giới. Vì sao vậy? Vì trước giờ nó chưa từng bị ô nhiễm. Đại sư Huệ Năng nói rất hay, vốn tự thanh tịnh, không có thứ gì có thể làm ô nhiễm nó. Nhất chân pháp giới, bản tánh chân như, chân tâm diệu minh cùng với từ “chân” trong “chân thật chi tể” của kinh này là cùng một nghĩa. Kinh nói “chân chân”, nói hai từ “chân”, “cho thấy chẳng phải là chân do so với vọng mà nói”. “Chân” mà người thế gian thường nói, đối lập với chân là giả, đối lập với giả là chân. “Chân chân” thì không có đối lập, cho nên đó chính là “chân”. “Chân” của chân giả thì chẳng phải là “chân chân”. “Chân chân” là tự tánh, tự tánh thì không có đối lập, đây mới gọi là “chân chân”. Có chân thì có vọng, có vọng thì có chân, đó là “chân” có đối lập, đó không phải là “chân chân”, chẳng phải là tự tánh. Chúng ta nhất định phải rõ ràng sáng tỏ rằng “chân chân” là tự tánh, chẳng phải đối lập. Câu này nói rất hay, vô cùng quan trọng, khiến chúng ta không đến nỗi sanh hiểu lầm. Chân này là chân như tự tánh, chân như tự tánh thì không có đối lập, đây chính là chân thật tuyệt đối. Chân thật tuyệt đối là chân thật trong chân thật.

“Khiết” là vô cấu, không có nhiễm ô; “bạch” là thanh bạch, khiết bạch, bạch là vô nhiễm. Chính như Lục tổ nói: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Lúc Lục tổ báo cáo với Ngũ tổ, tánh có hình dạng như thế nào thì câu thứ nhất chính là “chân chân”, chính là “vô cấu”. “Bạch” là vô nhiễm, “khiết” là vô cấu, bốn từ “chân chân khiết bạch” này và “vốn tự thanh tịnh” mà đại sư Huệ Năng nói là cùng một ý nghĩa, cùng với “tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành” mà thiền sư Bách Trượng nói cũng là như nhau. “Viên” là viên mãn, “thành” là thành tựu, ý nghĩa của “vốn tự viên thành” rất sâu. Cho nên “bảo nhệm” chính là chân tâm vô nhiễm, vốn tự thanh tịnh, dứt bật đối đãi, công phu của Thiền tông chính là ở đây. Hoàn toàn dùng chân

tâm, không dùng vọng tâm, đối nhân xử thế trong đời sống thường ngày luôn luôn chân thành. Chân thành được nói ở đây chẳng phải là “chân chân” nói ở phía trước. Chân thành ở đây được lưu xuất ra từ trong “chân chân”, bản thể của nó là “chân chân”, lưu xuất ra là chân thành. “Chân” này chính là “chân” trong nhất chân pháp giới, “chân” trong chân như bản tánh, “chân” trong chân tâm diệu minh. Công phu “bảo nhậm” của chúng ta chính là chân tâm vô nhiễm, vốn tự thanh tịnh, dứt bật đối đãi.

“Chí nguyện vô thượng”

Câu này là khuyên bạn phát nguyện, khuyên bạn phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đại nguyện vô thượng chính là chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn. Vãng sanh thượng thượng phẩm ở cõi Thường Tịch Quang là vô thượng đích thực. Vô thượng là chỉ cho “đạo này đã cùng tột lý, cùng tận tánh, không còn có gì hơn được nữa”. “Chí nguyện vô thượng” là chỉ cho họ lấy điều này làm chí nguyện.

“Tịnh định an lạc”

Đây là thọ dụng đạt được trước mắt. “Tịnh” là thanh tịnh, “định” là bất động, “tịnh định” chính là như như bất động. Bốn chữ “tịnh định an lạc”, hai chữ đầu là nhân, hai chữ sau là quả; hai chữ đầu là tự tánh, hai chữ sau là công phu. “Chí nguyện vô thượng” ở phía trước là phát Bồ-đề tâm, “tịnh định an lạc” ở phía sau là công phu chân thật, thọ dụng chân thật. Công phu đạt đến thuần thực bèn khai ngộ, giống như Bồ-tát Đại Thế Chí nói “chẳng nhờ phương tiện, tự được tâm khai”.

“Bồ đề khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt”

Câu nói này chính là câu “hột nhiên đại ngộ” của Thiên tông, cũng chính là “lý nhất tâm bất loạn” của Tịnh tông. “Tịnh định an lạc” mà phía trước nói là sự hưởng thụ sau khi đạt được công phu thành phẩm, cho đến sự nhất tâm bất loạn đều là cảnh giới như vậy. Khai ngộ thì nhập vào lý nhất tâm bất loạn. “Đạt” là thông đạt, “minh” là sáng tỏ, sau khi tâm khai ngộ thì hết thấy đều thông đạt sáng tỏ. Chữ “triệt” này dùng rất hay, có chữ “triệt” này thì “ngộ” mới là sự giác ngộ rốt ráo viên mãn. Giác ngộ viên mãn chính là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” mà trong kinh nói. Thông thường thì là “Chánh đẳng Chánh giác”, có sáng tỏ, thấu triệt thì là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Lúc bấy giờ mới hoàn toàn thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Hoàng Niệm lão đối với câu “bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt” có sự giải thích khác biệt độc đáo, khiến người cảm thấy mới mẻ.

“Bỗng nhiên” là nói đột nhiên có một sát-na, chẳng phải là nói sau bao nhiêu ngày, bao nhiêu năm dụng công, hoặc là qua một giai đoạn thì đạt được cảnh giới như vậy, nếu nói như vậy thì sai rồi. Bởi vì “vô thượng” ở đây chẳng phải là hễ đi thì đến được. Cho nên Tông môn và Giáo hạ có sự khác biệt ở chỗ này. Giáo hạ thì nói tu như thế nào thế nào đó, còn Tông môn thì truyền riêng ở ngoài kinh giáo, đây là chỗ đi chẳng đến được. Buộc phải trừ cái tâm có sở đắc cho sạch sẽ rồi sau đó bạn mới có thể đạt được. Đã là chỗ đi chẳng đến được, nên không thể nói ra được hành trình, không biết được hành trình thì đương nhiên cũng không biết được kỳ hạn.

Thiền sư Cao Phong nói: Quá trình này là bỗng nhiên từ trong “vô tâm tam-muội” mà bỗng nhiên sờ phải, chạm vào, có hai lần “bỗng nhiên”, chốc lát bèn khai ngộ rồi. Giống như công tắc của toàn bộ hệ thống sản xuất đã được bật lên, nếu không chạm vào được thì chẳng có cách nào. Thiền tông gọi cái này là “cái chốt hương thượng”, ví như đã chạm được vào đầu mối hương thượng của pháp thân, trong sát-na bèn tương ứng, thấu suốt nguồn tâm. Lý nhất tâm trong Tịnh độ cũng đạt được mức cao này, phá được vô minh. Đương nhiên là phá 41 phẩm vô minh thì cũng có sự sâu cạn không như nhau, triệt để phá vô minh thì chính là Thường Tịch Quang, sau cùng phá được vô minh rồi. “Bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt” chính là “đại triệt đại ngộ” trong Tông môn. “Khai” là tâm khai ngộ, “đạt” là hiểu rõ, “minh” là “minh bạch thấu suốt” mà Tín Tâm Minh nói. “Triệt” là thấu triệt. Sau đó thứ ngộ ra được chính là “tướng tự nhiên của tự nhiên”.

“Tướng tự nhiên của tự nhiên”

Tướng tự nhiên ở trong tự nhiên là vô lượng vô biên sự tướng từ trong tự tánh vốn sẵn thanh tịnh mà tự nhiên lưu lộ ra. Nhất chân pháp giới và y chánh trang nghiêm của mười pháp giới, những hiện tượng này từ đâu mà có vậy? Là tự tánh tự nhiên biến hiện ra. Những hiện tượng này hóa ra chính là tự tánh, tánh và tướng không hai, lý và sự như nhau. Cổ nhân nói rằng “ngay nơi tướng chính là đạo”, “tướng” chính là sâm la vạn tượng của y báo chánh báo trong các pháp giới, “đạo” là tự tánh. Tánh ở đâu? Tướng chính là tánh, tánh chính là tướng, đây chính là “minh tâm kiến tánh” mà nhà Thiền nói. Ngay nơi sự chính là chân, sự chính là lý, có pháp

nào chẳng phải như vậy? Pháp pháp đều là như thế! Cho nên gọi là “nơi nơi đều là đạo, trái phải đều gặp nguồn”. Thế nhưng phải thật sự ngộ nhập được cảnh giới này thì mới là như vậy; không vào được cảnh giới này thì bạn mê ở trong đó, hoàn cảnh khổ vui trong mười pháp giới hoàn toàn không như nhau. Sau khi ngộ nhập cảnh giới này thì liệu có còn mười pháp giới hay không? Còn! Có khổ lạc hay không? Không có! Năm loại cảm thọ: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, ngay cả xả thọ cũng có thì đây mới là chánh thọ. Lúc bấy giờ trong pháp giới của Bồ-tát được gọi là “nhất chân pháp giới”, nhưng trong mắt của phàm phu thì lại là “mười pháp giới”, người triệt ngộ thì nhìn thấy là nhất chân pháp giới. Mười pháp giới và nhất chân pháp giới chẳng phải hai thứ, mà là như nhau. Chúng ta cảm thấy rằng mười pháp giới là mười loại cảm thọ không như nhau, khổ vui khác biệt rất lớn. Nhất chân pháp giới của Bồ-tát thì cảm thọ bình đẳng, khi không có những lúc khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thì mới là bình đẳng. Đây là do mê và ngộ khác nhau.

Như vậy mê hay ngộ là do tâm, không do cảnh giới, cảnh giới không có mê ngộ, tự tánh không có mê ngộ, hiện tướng cũng không có mê ngộ, lý không có mê ngộ, sự cũng không có mê ngộ, mê ngộ là từ trong một niệm của chúng ta. Từ đây nhìn ra được tướng tự nhiên của tự nhiên, nhìn ra hết thấy vạn vật, mối quan hệ giữa y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới và tự tánh. Đây là chân tướng sự thật mà một lời của Thế Tôn đã nói toạc ra cho chúng ta.

Kinh Thủ Lăng-nghiêm có chỗ cực đốn, cũng có chỗ tiệm tiến từng chút một. Trong kinh thường thì mỗi một phương diện đều bao hàm một chút. Chỗ cực đốn chính là tỉ dụ về kẻ cuồng mất đầu, kẻ cuồng nhìn thấy đầu của người khác rất đẹp, do anh ta không thể thấy được mặt của mình nên cho rằng đầu mình đã mất, suốt ngày tìm đầu khắp nơi, kẻ cuồng được nói đó chính là chúng ta. Có một ngày, bất chợt tỉnh ngộ ra “đầu của mình ở đây mà” thì hết bệnh cuồng, đã khỏi rồi. “Cuồng tâm nhanh chóng tiêu mất, tiêu mất rồi thì chính là Bồ-đề”. Thế nên, khai ngộ chính là phát hiện ra đầu của mình ở ngay đây, rất là tự nhiên. Vốn là có đầu, đầu ở ngay đây, hết sức tự nhiên.

Lại như cổ đức khi khai ngộ đã nói: “Hóa ra tỳ-kheo-ni là phụ nữ vậy”. Đây là tướng tự nhiên của tự nhiên. Sau khi khai ngộ bèn nói ra một câu như vậy, bởi vì họ đã phá được hết thấy pháp chấp. Lại như, “sớm biết đèn là lửa thì đã thành Phật lâu rồi”. Tổ sư sau này đã sửa đi hai chữ nên còn hay hơn nữa: “sớm biết đèn là lửa

thì cơm đã chín lâu rồi”. Nếu sớm biết đèn là lửa thì đã chụm củi nấu cơm, cơm đã chín từ lâu rồi. Dùng cơm chín để tỉ dụ cho thành Phật là điều cực kỳ tự nhiên.

Thế nên, người ngộ rồi thì là tướng tự nhiên của tự nhiên. Người chưa ngộ thì núi là núi, nước là nước, người nam là người nam, người nữ là người nữ. Người vừa mới ngộ thì núi chẳng phải là núi, nước chẳng phải là nước, nam chẳng phải là nam, nữ chẳng phải là nữ. Sau khi triệt ngộ thì núi vẫn là núi, nước vẫn là nước, nam vẫn là nam, nữ vẫn là nữ. Cho nên ngài Cao Phong nói: “Quay về vẫn là người thuở trước, chón cũ năm xưa chẳng đổi dời”. Đây là cảnh giới cao nhất rồi. Đối với việc này có rất nhiều cách nói nhằm biểu đạt thứ bậc khai ngộ của Thiên tông. Như câu: “Quay về vẫn là người thuở trước, chón cũ năm xưa đã khác rồi”, kẻ quay về vẫn là chính mình, chỉ là nơi đã đi qua chẳng phải là nơi của trước đây. “Quay về chẳng phải người thuở trước, vẫn là chón cũ của năm xưa”. Những câu này đều là lời nói ra khi khai ngộ, nhưng đều không bằng câu của ngài Cao Phong. Thế nên, núi vẫn là núi, nước vẫn là nước, nam vẫn là nam, nữ vẫn là nữ, hết thấy đều như cũ.

Chúng ta quay trở lại thì mọi thứ vẫn tự nhiên như trước, tự nhiên biết bao. “Ngay nơi tướng tức là đạo, ngay nơi sự chính là chân”, hết thấy đều là vốn tự thanh tịnh, đều là tướng tự nhiên của tự nhiên. Hết thấy núi và nước, nam và nữ, hiện nay, lúc trước v.v... không có thứ nào chẳng được chánh ấn của thật tướng in vào. Thế nên hết thấy tướng, hết thấy sự đều là vốn tự thanh tịnh, đều là tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản.

“Tự nhiên tự có căn bản”

Đây là nói nguồn gốc của vũ trụ, cũng chính là tự thể căn bản của hết thấy các pháp, là bản thể vốn có. Kinh Đại Nhật nói: “Một thân, hai thân, cho đến vô lượng thân đều thuộc trong bản thể”. Hết thấy sự đều từ trong bản thể mà lưu hiện ra, cũng đều đồng quay trở về bản thể. Đây chính là “bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản”. Từ “có” này là then chốt, cũng như kẻ cuồng vốn có cái đầu, đây chính là “có”. Phó Đại sĩ giảng kinh cho Lương Võ Đế, đập thước xuống bàn một cái rồi xuống tòa. Bảo Chí Công nói với mọi người: Đại sĩ đã giảng xong kinh Kim Cang. Bài minh Tâm Vương của Đại sĩ nói: “Nước có vị mặn, sắc vẫn trong veo, nhất định là Có, nhưng chẳng thấy hình”. Vị mặn trong nước, có vị này hay không? Thật có vị như vậy, nhưng nếu bạn muốn tìm xem vị mặn ấy hình dạng ra sao, dài, vuông, tròn, đỏ, trắng thì chẳng thể

thấy được [hình dạng], trọn chẳng thể thấy được. Vì vậy nhất định là Có, từ “có” này rất quan trọng. Tổ sư của tông Tào Động là Tào Sơn nói: “Chỉ cần biết Có là được”. Cho dù bạn đang có phiền não, đang ở trong vô minh, chỉ cần bạn biết là Có thì được. Cho nên chữ “có” này rất quan trọng, chẳng thể lơ là.

“Tự nhiên tự có căn bản” có hai hàm nghĩa.

Một là bản tánh của sâm la vạn tượng là không hai, ngàn con sóng đều là nước, sóng lớn sóng nhỏ, sóng cuộn sóng trào đều là nước. Trong hết thấy đó đều có bản thể, đây chính là tự nhiên tự có căn bản. Một hàm nghĩa khác là: chẳng do tạo tác, trong một niệm bèn đốn ngộ. Cho nên nói, sau khi tự nhiên đốn ngộ thì biết rõ không một pháp nào ở ngoài tự tâm, đều trọn ở trong tự tâm, thấy ngay được chân như tự tánh. Thấy được trọn hết mà không gì để thấy, không gì để thấy mà thấy được trọn hết. Từ “kiến” trong “minh tâm kiến tánh” nên giải thích thế nào? Đó là thấy được trọn hết, nhìn thấy rất rõ ràng. Nhìn thấy điều gì? Chẳng có gì để thấy, chẳng có gì cả. Chẳng có gì để thấy mà lại nhìn thấy rất rõ ràng, điều này có vẻ như kỳ quái. Chẳng thể dùng ngôn ngữ, văn tự, suy nghĩ mà có thể biết, có thể biểu đạt được. Lúc bấy giờ bèn biết tự tâm, tự tánh chính là căn bản, thế nên tự nhiên tự có căn bản. Kinh Tịnh Danh nói: “Ngay tức thời rỗng rang, đạt lại được bôn tâm”. Ngay lúc ấy hốt nhiên đại ngộ, đạt lại được bôn tâm, chính là kẻ cuồng bị mất đầu mà không hề bị mất đầu vậy. Nếu như nhận ra được thì tâm cũng là như vậy. Bạn không biết các ngài đạt được bôn tâm chính là nhận rõ được bôn tâm. “Hốt nhiên” chính là “bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt” mà đạt lại được bôn tâm, chính là tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản.

Kinh Bồ-tát Giới nói: “Tự tánh của ta vốn sẵn thanh tịnh, nếu nhận biết được tự tâm, thấy được tánh thì đều thành Phật đạo”. Tự tánh vốn sẵn rất thanh tịnh, nhận biết được bôn tâm của mình, thấy được bôn tánh của mình thì đều thành Phật đạo. Vì vậy ngài Tào Sơn nói: “Chỉ cần biết Có là được”, đúng là tâm ấn mà Phật Phật tương truyền.

“Tự nhiên quang minh, sắc tướng xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, chuyển biến tới thẳng”

“Tham” nghĩa là nhập vào, tướng của quang minh nhập vào nhau. “Hồi” là xoay chuyển, luân chuyển mãi không dừng, biến hóa chẳng trở ngại. Thể của thật tướng là chẳng tịch chẳng chiếu, mà lại thường tịch thường chiếu. Tịch nhưng

thường chiếu, cho nên từ Pháp thân mà lưu xuất ra Báo thân, Hóa thân Phật. Từ lý thể xuất sanh ra vô lượng tướng dụng vi diệu. Do đó, từ căn bản của tự nhiên ấy mà tự nhiên sanh ra vô lượng quang minh, sắc tướng, các tướng nhập lẫn vào nhau, xoay vần biến hóa, vượt xa mười phương, cho nên gọi là “tối thắng”.

Trong kinh thường dùng bảo châu để ví cho tự tâm. Quán Kinh nói: “Mỗi một bảo châu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng. Mỗi một ánh sáng có tám vạn bốn ngàn kim sắc khác nhau. Mỗi một kim sắc chiếu khắp cõi báu, nơi nơi biến hóa thành các tướng khác nhau. Hoặc biến thành đài kim cang, hoặc biến thành lưới chân châu, hoặc biến thành mây nhiều màu. Trong khắp mười phương tùy ý biến hiện mà làm Phật sự”.

Lại nói: “Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp. Trong mỗi vẻ đẹp lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi một quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ. Quang minh, tướng hảo, cho đến hóa Phật [hiện ra trong các quang minh ấy] chẳng thể nói trọn”.

Kinh văn bên trên sâu sắc nêu rõ: quang minh sắc tướng vi diệu khó nghĩ bàn, biến hiện tùy ý. Trong quang có sắc, sắc lại hiện tướng. Lưới châu và các loại diệu tướng chỉ do một sắc mà hiển hiện. Lại như tướng của Phật đầy đủ vẻ đẹp, trong vẻ đẹp phát ra quang minh, trong quang minh lại hiện ra Phật, thay đều hiển thị rõ rệt ý nghĩa xoay chuyển nhập lẫn vào nhau.

“Uất-đơn thành thất bảo”

“Uất-đơn” là châu Uất-đơn ở phương Bắc, là một trong bốn đại bộ châu. Bộ châu này đều tốt hơn so với ba châu khác, đất đai không cần trồng trọt canh tác mà tự nhiên sanh ra rất nhiều lương thực, quần áo thức ăn không thiếu, người sống thọ một ngàn tuổi. “Uất-đơn thành thất bảo” là trong bản dịch thời Hán, trong bản dịch thời Ngô là: “Tự nhiên như trong cõi Uất-đơn, tự nhiên thành thất bảo”. Tham khảo ý trong bản dịch thời Ngô thì dễ hiểu. Ý nghĩa là nói: Giống như châu Uất-đơn ở phương Bắc có thể tự nhiên mà sanh ra mọi vật, thế giới Cực Lạc có thể tự nhiên sanh ra bảy báu.

“Tự nhiên từ hư không hiện ra vạn vật”

“Hoành” chỉ cho không gian, “lãm” nghĩa là rút ra, kéo ra, chỉ cho tự nhiên từ trong hư không lưu hiện ra vạn vật. Tất cả đều là đại nguyện của Di-đà, là thứ sẵn có trong tâm thanh tịnh của chúng sanh.

“Quang minh tinh diệu sáng sạch cùng xuất hiện”

“Quang” là quang minh, “tinh” là tinh diệu, “minh” là sáng sạch. Tâm ấy xưa nay vốn đầy đủ vạn đức, không có vô minh, không có cấu ô, do vậy thanh tịnh trang nghiêm. Quang minh vi diệu, tinh mỹ khiết tịnh, đều đầy đủ hết thảy diệu tướng. Chẳng có trước sau mà đồng thời đều xuất hiện, cho nên gọi là “cùng xuất hiện”.

“Sáng tỏ không phân biệt trên dưới”

“Trú” là sáng tỏ, sáng tỏ không có trên dưới. Hết thảy đều bình đẳng, không có sai biệt, đây gọi là “không phân biệt trên dưới”. “Tự nhiên tự có căn bản”, trí tuệ này đã hiển bày điều thật tế là hết thảy đều bình đẳng. Kinh Kim Cang nói: “Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp”. Phẩm Quán Âm Sở Chứng trong kinh Lăng-nghiêm nói: “Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt”, không có sự phân chia sai biệt cao thấp, nêu rõ bản thể không có phân biệt trên dưới.

“Hiểu rõ thông đạt không có bờ mé”

Câu này là nói về huệ dụng của tâm: một cái là lý như như, một cái là trí như như. Cho nên “sáng tỏ” chính là “minh” trong “minh tâm kiến tánh”. Sáng tỏ được điều này, hiểu rõ được điều này, hết thảy đều bình đẳng, bản thể không có phân biệt trên dưới chính là cái tâm. Hiểu rõ cùng tận nguồn tâm, trí tuệ hiểu rõ thông đạt, khả năng chiếu soi không có bờ mé.

“Tốt lành thật không gì sánh được”

Cũng là nêu rõ bản thể không phân biệt trên dưới, bản thể bình đẳng, bản thể thực tế. Khả năng thông đạt, chiếu soi của trí tuệ này không có cùng tận. Những điều nói trên đều là cảnh giới của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!